

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/DS-PT
Ngày: 29/6/2020
V/v tranh chấp dân sự về đòi lại
tài sản là tiền vay.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân
Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình
Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản là tiền vay”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Kim H, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà M, đường NVT, Tổ dân phố NL, thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Tấn V, sinh năm 1956, địa chỉ: Số H NK, Phường Y, thành phố DL, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền số Z; quyền số I TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng NĐT chứng thực ngày 15/6/2020).

Bị đơn: Vợ chồng ông Phạm Quốc T, sinh năm 1985; bà Trần Thị Thạch N, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố NL, thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bà Vũ Kim H – Nguyên đơn

(ông V có mặt; vợ chồng ông T, bà N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Kim H trình bày: Từ chỗ quen biết nhau, vào năm 2016 bà H có cho vợ chồng ông Phạm Quốc T và bà Trần Thị Thạch N vay số tiền 100.000.000 đồng, tại

thời điểm vay tiền các bên có xác lập giấy viết tay với nội dung Giấy mượn tiền vào ngày 22/4/2016, có chữ ký xác nhận nợ của ông T và bà N; ông T và bà N có hẹn 06 tháng sau sẽ trả cho bà H số tiền nêu trên, nhưng cho đến nay vợ chồng ông T, bà N vẫn chưa trả cho bà H số tiền nêu trên mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu. Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông T, bà N trả cho bà số tiền 131.200.000 đồng, trong đó bao gồm tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi 31.200.000 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 0,5\% \times 39 \text{ tháng} = 31.200.000 \text{ đồng}$).

Theo bản tự khai của bị đơn ông Phạm Quốc T trình bày: Vào ngày 22/4/2016 vợ chồng ông bà có vay của bà Vũ Kim H số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 03/11/2017 vợ chồng ông bà đã chuyển nhượng cho bà H diện tích 144,5m² thuộc thửa 56 tờ bản đồ số 9 QH thị trấn Thanh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng để cân trừ nợ có xác lập hợp đồng chuyển nhượng được công chứng chứng thực, đến nay vợ chồng ông bà đã trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng nêu trên, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vợ chồng ông bà không đồng ý trả nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Kim H về việc buộc vợ chồng ông Phạm Quốc T và bà Trần Thị Thạch N trả cho bà Vũ Kim H số tiền 131.200.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 11/11/2019 và ngày 13/02/2020 bà Vũ Kim H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Tại phiên tòa hôm nay,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Kim H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Bị đơn vợ chồng ông T, bà N có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời trình bày trong hồ sơ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xuất phát việc bà Vũ Kim H cho vợ chồng ông Phạm Quốc T, bà Trần Thị Thạch N vay 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 22/4/2016 có hẹn 06 tháng sau sẽ trả cho bà H số tiền trên, nhưng cho đến nay

vợ chồng ông T, bà N vẫn chưa trả nên bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà N trả số tiền 131.200.000 đồng bao gồm gốc và lãi. Vợ chồng ông T, bà N cho rằng; quá trình vay mượn tiền vợ chồng ông T, bà N đã chuyển nhượng cho bà H diện tích đất 144,5m², thửa 56, tờ bản đồ số 09, khu quy hoạch thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng để cản trừ vào số nợ trên, nên không đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của bà H. Do đó, các bên phát sinh tranh chấp. Việc vay mượn tiền giữa các bên được xác lập vào năm 2016, đến ngày 26/7/2019 bà H khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp dân sự về đòi tài sản là tiền vay*” là đúng theo hướng dẫn tại Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 256 BLDS năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Kim H thì thấy rằng: Ngày 22/4/2016 vợ chồng ông Phạm Quốc T, bà Trần Thị Thạch N có vay của bà Vũ Kim H số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay tiền giữa các bên được xác lập bằng giấy vay tiền viết tay theo mẫu có sẵn rồi tự điền vào, ông T, bà N là người viết nội dung và có chữ ký xác nhận nợ của ông T, bà N trong phần người mượn tiền. Ông Phạm Quốc T thừa nhận có vay tiền của bà H số tiền 100.000.000 đồng nhưng do không có khả năng trả nợ cho bà H nên vợ chồng ông T, bà N có lập Hợp đồng mua bán chuyển nhượng diện tích đất 144,5m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 09 QH tọa lạc tại thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng đề ngày 03/11/2017 cho vợ chồng ông Lê Đại Cương; bà Vũ Kim H để cản trừ nợ và các bên có thỏa thuận sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng vợ chồng ông T, bà N không còn nợ tiền của vợ chồng bà H. Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà được xác lập ngày 03/11/2017 sau khi ông T vay tiền của vợ chồng bà H vào ngày 22/4/2016.

Như vậy có căn cứ để xác định các bên đã tất toán khoản nợ vay với nhau thông qua việc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà lập ngày 03/11/2017 “*sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng này, Bên A không còn nợ tiền mà Bên A vay của Bên B*”. Vợ chồng ông T, bà N đã thanh toán xong các khoản nợ đối với bà H. Mặt khác, tại Biên bản đối chất (BL 43) thì bà H thừa nhận đã nhận chuyển nhượng đất và nhà theo như ông T trình bày và bà có đọc lại biên bản mới ký trong hợp đồng. Do đó, việc bà H yêu cầu vợ chồng ông T, bà N trả số tiền 100.000.000 đồng và số tiền lãi 31.200.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Kim H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Kim H, nên bà H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Kim H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Kim H về việc buộc vợ chồng ông Phạm Quốc T và bà Trần Thị Thạch N trả cho bà Vũ Kim H số tiền 131.200.000 đồng.

Về án phí: Buộc bà Vũ Kim H phải chịu 6.560.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.280.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0015903 ngày 23/8/2019 và 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0016140 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền 3.280.000 đồng (*ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Đơn Dương (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (3);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân